

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGÂN GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGÂN GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGAN GIANG INVESTMENT TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108169523

3. Ngày thành lập: 01/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 1, thôn An Trai, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934186869

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quảng cáo	7310
2.	Bốc xếp hàng hóa	5224
3.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
6.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
7.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
9.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
15.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200

16.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
17.	Đại lý du lịch	7911
18.	Điều hành tua du lịch	7912
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
20.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
21.	Sản xuất giày dép	1520
22.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
23.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
24.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
28.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
29.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
30.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31.	Trồng cây ăn quả	0121
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
33.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
34.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
35.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
36.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
37.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
38.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
41.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
42.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
43.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
44.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
45.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
48.	Sản xuất thảo, chăn đệm	1323
49.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
50.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
52.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

53.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
54.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
55.	In ấn	1811
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
57.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
58.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
59.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
60.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
62.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
67.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
68.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
69.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
70.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
71.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
72.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
73.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
74.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
75.	Tái chế phế liệu	3830
76.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
77.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
79.	Bán buôn gạo	4631
80.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
83.	Giáo dục nghề nghiệp	8532

84.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
85.	Hoạt động thể thao khác	9319
86.	Sản xuất đường	1072
87.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
88.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
89.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
90.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
91.	Bán buôn đồ uống	4633
92.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
93.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
94.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6329
95.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
96.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

97.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
98.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
99.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
100.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
101.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
102.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
103.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
105.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
106.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
108.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

109.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
111.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
112.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
113.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
114.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
115.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
116.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
117.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
118.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
119.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
121.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
122.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
123.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
124.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
125.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
126.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
127.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
128.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
129.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
130.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa	5229
133.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
134.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
135.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
136.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

137.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
138.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
139.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
140.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
141.	Sao chép bản ghi các loại	1820
142.	Sản xuất nhạc cụ	3220
143.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
144.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
145.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
146.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
147.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
148.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
149.	Bán buôn tổng hợp	4690
150.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
151.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
152.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
153.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
154.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
155.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
156.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 600.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ NGỌC KHÁNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/08/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017246493

Ngày cấp: 10/01/2011

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ NGỌC KHÁNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/08/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *017246493*

Ngày cấp: *10/01/2011*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*